

**ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1 VẬT LÝ LỚP 10**

1. Một người đi xe máy từ A đến B. Trong 15 phút đầu, xe máy chuyển động với vận tốc 40km/h, trong 30 phút tiếp theo chuyển động với vận tốc 30 km/h. Tốc độ trung bình của người đi xe máy trên đoạn trường AB gần với giá trị nào nhất trong các giá trị sau?

- A. 30km/h.      B. 32km/h.      C. **34 km/h.**      D. 35 km/h.

2. Một người đi xe máy trên quãng đường AB. Trên nửa đoạn đường đầu đi với vận tốc 40km/h, nửa đoạn đường sau đi với vận tốc 60km/h. Tốc độ trung bình của xe máy trên đoạn AB là

- A. 42km/h.      B. **48km/h.**      C. 50km/h.      D. 54km/h.

3. Một ô tô khởi hành lúc 6h tại bến A cách trung tâm thành phố 4km chuyển động thẳng đều ra xa trung tâm về phía thành phố B với vận tốc 36 km/h. Chọn gốc tọa độ tại bến A, chiều dương cùng chiều chuyển động, gốc thời gian lúc 6h; phương trình chuyển động của ô tô là

- A.  **$x = 36t$  (km, h).**      B.  $x = 36(t-6)$  (km, h).      C.  $x = 15t$  (m, s).      D.  $x = 10(t-6)$ (m, s).

4. Phương trình của chuyển động thẳng đều có biểu thức:  $x = 20-5t$  (m, s). Quãng đường vật đi được trong 3 s đầu tiên là

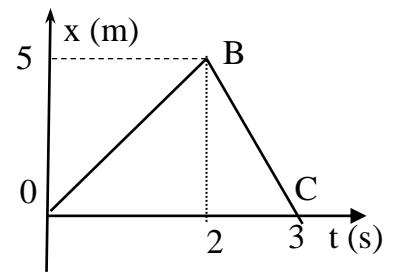
- A. -5m.      B. 5m.      C. -15m.      D. **15m.**

5. Lúc 8h hai ô tô cùng khởi hành từ hai địa điểm A và B cách nhau 96km và đi ngược chiều nhau. Vận tốc của xe đi từ A là 36km/h, của xe đi từ B là 28km/h. Vị trí và thời điểm lúc hai xe gặp nhau

- A. **Cách A 54km và thời điểm 9h30 phút.**      B. Cách A 54km và thời điểm 1h30 phút.  
C. Cách A 36km và thời điểm 9h30 phút      D. Cách A 36km và thời điểm 1h30 phút.

6. Một chất điểm chuyển động trên đường thẳng có đồ thị như hình vẽ. Phương trình chuyển động của chất điểm ứng với đoạn BC của đồ thị là

- A.  $x = 5+5(t-2)$  (m).      B.  $x = 5-5t$  (m).  
C.  **$x = 5-5(t-2)$  (m).**      D.  $x = 5+5t$ (m).



7. Một chất điểm chuyển động theo đường thẳng có vận tốc ban đầu  $v_0 = 2m/s$ ; chuyển động đều trong khoảng thời gian  $t_1 = 3s$ , chuyển động với gia tốc  $a_2 = 2m/s^2$  trong thời gian  $t_2=2s$ . Vận tốc cuối của chất điểm là

- A. 7m/s.      B. 4m/s.      C. **6m/s.**      D. 9m/s.

8. Từ độ cao 5 m, một vật nặng được ném theo phương thẳng đứng lên phía trên với vận tốc ban đầu 4m/s. Lấy  $g = 10m/s^2$ . Chọn trục toạ độ 0y thẳng đứng, hướng lên; gốc 0 ở mặt đất, gốc thời gian lúc ném. Phương trình chuyển động của vật là

- A.  $y = 5 -4t-5t^2$ .      B.  **$y = 5 +4t-5t^2$ .**      C.  $y = 4t-5t^2$ .      D.  $y = 5 -4t-10t^2$ .

9. Từ độ cao 5 m, một vật nặng được ném theo phương thẳng đứng lên phía trên với vận tốc ban đầu 4m/s. Lấy  $g = 10m/s^2$ . Độ cao cực đại vật đạt được so với mặt đất là

- A. 5,2m.      B. 5,6m.      C. 5m.      D. **5,8m.**

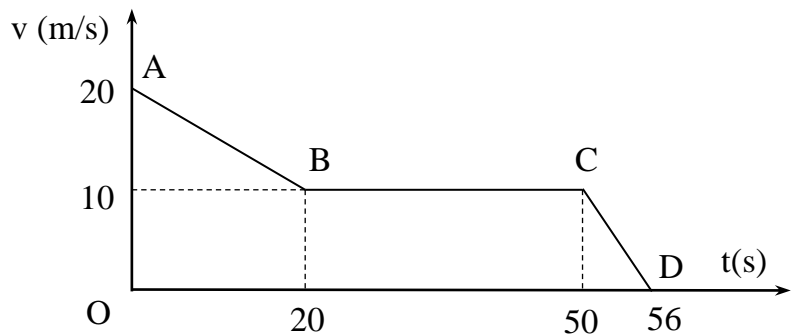
10. Một vật rơi tự do trong giây cuối rơi được 15m. Cho  $g = 10 m/s^2$ . Thời gian vật rơi tự do là

- A. **2s.**      B. 3s.      C. 1,5s.      D. 4s

11. Một ô tô đang chuyển động đều với vận tốc 36km/h thì xuống dốc chuyển động nhanh dần đều với gia tốc  $0,1 \text{ m/s}^2$ , đến cuối dốc đạt vận tốc 54km/h. Chiều dài dốc là  
 A. 500m.    B. 1250m.    C. **625m.**    D. 225m.
12. Một ô tô đang chuyển động đều với vận tốc 72km/h thì tắt máy chuyển động chậm dần đều thêm 200m thì dừng lại. Khoảng thời gian từ lúc tắt máy đến khi dừng lại là  
 A. 15s.    B. 10s.    C. **20s.**    D. 18s.
13. Phương trình của chuyển động thẳng biến đổi đều  $x = 10 - 20t + 2t^2$  (m). Vận tốc ban đầu và gia tốc của chuyển động là  
 A.  **$v_0 = -20\text{m/s}; a = 4\text{m/s}^2$ .**    B.  $v_0 = 20\text{m/s}; a = 4\text{m/s}^2$ .  
 C.  $v_0 = -20\text{m/s}; a = 2\text{m/s}^2$ .    D.  $v_0 = 20\text{m/s}; a = 2\text{m/s}^2$ .

14. Cho đồ thị vận tốc của vật như hình vẽ. Quảng đường vật đi được trong 50s đầu tiên là

- A. 650m.  
 B. 500m.  
 C. **600m.**  
 D. 750m.



15. Hai ô tô chạy trên 2 đường thẳng vuông góc với nhau. Xe thứ nhất chạy với vận tốc 40km/h còn xe thứ hai với vận tốc 30km/h. Tại thời điểm ban đầu chúng cách nhau 2km và đang đi xa nhau. Khoảng cách giữa 2 xe sau 30 phút kể từ thời điểm ban đầu là  
 A. **27km.**    B. 52km.    C. 72km.    D. 12km.
16. Hai chất điểm chuyển động thẳng đều cùng chiều trên một đường thẳng với vận tốc  $v_1 = 4\text{m/s}$ ,  $v_2 = 6\text{m/s}$ . Vận tốc của chất điểm thứ hai so với chất điểm thứ nhất  
 A. bằng 10m/s và cùng hướng với chuyển động.  
 B. bằng 2m/s và ngược hướng với chuyển động.  
 C. **bằng 2m/s và cùng hướng với chuyển động.**  
 D. bằng 10m/s và ngược hướng với chuyển động.
17. Công thức nào sau đây không phải công thức của chuyển động tròn đều?  
 A.  $T = 1/f$ .    B.  $\omega = vr$ .    C.  **$\omega = v/r$ .**    D.  $a = \omega^2 r$ .
18. Chất điểm chuyển động tròn đều với bán kính 20cm và vận tốc có độ lớn 2m/s. Gia tốc hướng tâm có độ lớn là  
 A.  **$20\text{m/s}^2$ .**    B.  $10\text{m/s}^2$ .    C.  $100\text{m/s}^2$ .    D.  $80\text{m/s}^2$ .
19. Đồ thị vận tốc - thời gian của chuyển động chậm dần đều có dạng là  
 A. **đường thẳng không song song với trục tọa độ.**  
 B. đường thẳng song song với trục tọa độ.  
 C. đường pa-ra-bol.  
 D. đường cong bất kỳ.
20. Công thức tính gia tốc rơi tự do  $g = \frac{t^2}{2h}$ . Người ta tiến hành đo thời gian t và độ cao h để xác định g bằng thực nghiệm. Công thức tính sai số tỉ đối của g là  
 A.  $\delta g = \delta t + 2\delta h$ .    B.  $\delta g = \delta t + \delta h$ .    C.  $\delta g = 2\delta t - \delta h$ .    D.  **$\delta g = 2\delta t + \delta h$ .**

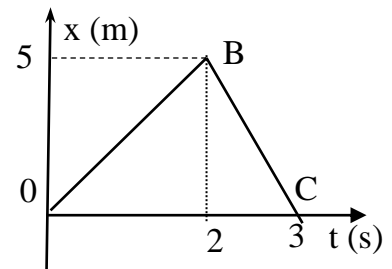
HỌ TÊN.....

ĐỀ 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
ĐA																					

**KIỂM TRA 1 TIẾT - VẬT LÝ 10**

- Công thức nào sau đây không phải công thức của chuyển động tròn đều?  
 A.  $T=1/f$ .    B.  $\omega = v/r$ .    C.  $\omega = vr$ .    D.  $a = \omega^2 r$ .
- Chất điểm chuyển động tròn đều với bán kính 20cm và vận tốc có độ lớn 2m/s. Gia tốc hướng tâm có độ lớn là  
 A.  $20m/s^2$ .    B.  $100m/s^2$ .    C.  $10m/s^2$ .    D.  $80m/s^2$ .
- Đồ thị vận tốc - thời gian của chuyển động chậm dần đều có dạng là  
 A. đường thẳng không song song với trục tọa độ.  
 B. đường thẳng song song với trục tọa độ.  
 C. đường pa-ra-bol.  
 D. đường cong bất kỳ.
- Công thức tính gia tốc rơi tự do  $g = \frac{t^2}{2h}$ . Người ta tiến hành đo thời gian t và độ cao h để xác định g bằng thực nghiệm. Công thức tính sai số tỉ đối của g là  
 A.  $\delta g = \delta t + 2\delta h$ .    B.  $\delta g = \delta t + \delta h$ .    C.  $\delta g = 2\delta t - \delta h$ .    D.  $\delta g = 2\delta t + \delta h$ .
- Lúc 8h hai ô tô cùng khởi hành từ hai địa điểm A và B cách nhau 96km và đi ngược chiều nhau. Vận tốc của xe đi từ A là 36km/h, của xe đi từ B là 28km/h. Vị trí và thời điểm lúc hai xe gặp nhau  
 A. Cách A 54km và thời điểm 9h30 phút.    B. Cách A 54km và thời điểm 1h30 phút.  
 C. Cách A 36km và thời điểm 9h30 phút    D. Cách A 36km và thời điểm 1h30 phút.
- Một chất điểm chuyển động trên đường thẳng có đồ thị như hình vẽ. Phương trình chuyển động của chất điểm ứng với đoạn BC của đồ thị là  
 A.  $x = 5+5(t-2)$  (m).    B.  $x = 5-5t$  (m).  
 C.  $x = 5-5(t-2)$  (m).    D.  $x = 5+5t$ (m).



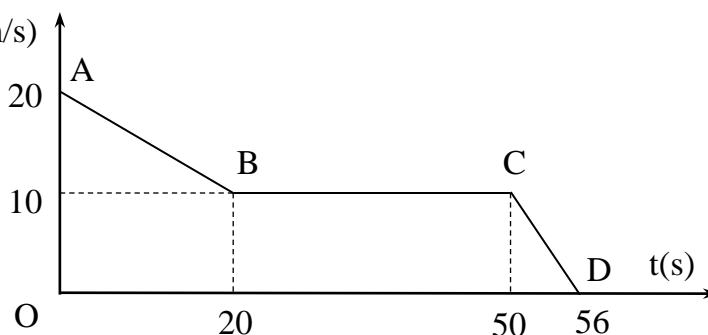
- Một chất điểm chuyển động theo đường thẳng có vận tốc ban đầu  $v_0 = 2m/s$ ; chuyển động đều trong khoảng thời gian  $t_1 = 3s$ , chuyển động với gia tốc  $a_2 = 2m/s^2$  trong thời gian  $t_2=2s$ . Vận tốc cuối của chất điểm là  
 A. 7m/s.    B. 4m/s.    C. 10m/s.    D. 9m/s.
- Từ độ cao 5 m, một vật nặng được ném theo phương thẳng đứng lên phía trên với vận tốc ban đầu 4m/s. Lấy  $g = 10m/s^2$ . Chọn trục tọa độ 0y thẳng đứng, hướng lên; gốc 0 ở mặt đất, gốc thời gian lúc ném. Phương trình chuyển động của vật là

A.  $y = 5 - 4t - 5t^2$ .    B.  $y = 5 + 4t - 5t^2$ .    C.  $y = 4t - 5t^2$ .    D.  $y = 5 - 4t - 10t^2$ .

9. Từ độ cao 5 m, một vật nặng được ném theo phương thẳng đứng lên phía trên với vận tốc ban đầu 4m/s. Lấy  $g = 10\text{m/s}^2$ . Độ cao cực đại vật đạt được so với mặt đất là  
 A. 5,2m.    B. 5,6m.    C. 5m.    D. **5,8m.**
10. Một người đi xe máy từ A đến B. Trong 15 phút đầu, xe máy chuyển động với vận tốc 40km/h, trong 30 phút tiếp theo chuyển động với vận tốc 30 km/h. Tốc độ trung bình của người đi xe máy trên đoạn đường AB gần với giá trị nào nhất trong các giá trị sau?  
 A. 30km/h.    B. 32km/h.    C. **34 km/h.**    D. 35 km/h.
11. Một người đi xe máy trên quãng đường AB. Trên nửa đoạn đường đầu đi với vận tốc 40km/h, nửa đoạn đường sau đi với vận tốc 60km/h. Tốc độ trung bình của xe máy trên đoạn AB là  
 A. 42km/h.    B. **48km/h.**    C. 50km/h.    D. 54km/h.
12. Một ô tô khởi hành lúc 6h tại bến A cách trung tâm thành phố 4km chuyển động thẳng đều ra xa trung tâm về phía thành phố B với vận tốc 36 km/h. Chọn gốc tọa độ tại bến A, chiều dương cùng chiều chuyển động, gốc thời gian lúc 6h; phương trình chuyển động của ô tô là  
 A.  **$x = 36t$  (km, h).**    B.  $x = 36(t-6)$  (km, h).    C.  $x = 15t$  (m, s).    D.  $x = 10(t-6)$ (m, s).
13. Phương trình của chuyển động thẳng đều có biểu thức:  $x = 20 - 5t$  (m, s). Quãng đường vật đi được trong 3 s đầu tiên là  
 A. -5m.    B. 5m.    C. -15m.    D. **15m.**
14. Một vật rơi tự do trong giây cuối rơi được 15m. Cho  $g = 10 \text{ m/s}^2$ . Thời gian vaatk rơi tự do là  
 A. **2s.**    B. 3s.    C. 1,5s.    D. 4s
15. Một ô tô đang chuyển động đều với vận tốc 36km/h thì xuống dốc chuyển động nhanh dần đều với gia tốc  $0,1 \text{ m/s}^2$ , đến cuối dốc đạt vận tốc 54km/h. Chiều dài dốc là  
 A. 500m.    B. 1250m.    C. **625m.**    D. 225m.
16. Một ô tô đang chuyển động đều với vận tốc 72km/h thì tắt máy chuyển động chậm dần đều thêm 200m thì dừng lại. Khoảng thời gian từ lúc tắt máy đến khi dừng lại là  
 A. 15s.    B. 10s.    C. **20s.**    D. 18s.
17. Phương trình của chuyển động thẳng biến đổi đều  $x = 10 - 20t + 2t^2$  (m). Vận tốc ban đầu và gia tốc của chuyển động là  
 A.  **$v_0 = -20\text{m/s}; a = 4\text{m/s}^2$ .**    B.  $v_0 = 20\text{m/s}; a = 4\text{m/s}^2$ .  
 C.  $v_0 = -20\text{m/s}; a = 2\text{m/s}^2$ .    D.  $v_0 = 20\text{m/s}; a = 2\text{m/s}^2$ .

18. Cho đồ thị vận tốc của vật như hình vẽ. Quãng đường vật đi được trong 50s đầu tiên là

- A. 650m.  
 B. 500m.  
 C. **600m.**  
 D. 750m.



19. Hai ô tô chạy trên 2 đường thẳng vuông góc với nhau. Xe thứ nhất chạy với vận tốc 40km/h còn xe thứ hai với vận tốc 30km/h. Tại thời điểm ban đầu chúng cách nhau 2km và đang đi xa nhau. Khoảng cách giữa 2 xe sau 30 phút kể từ thời điểm ban đầu là  
 A. **27km.**    B. 52km.    C. 72km.    D. 12km.

20. Hai chất điểm chuyển động thẳng đều cùng chiều trên một đường thẳng với vận tốc  $v_1 = 4\text{m/s}$ ,  $v_2 = 6\text{m/s}$ . Vận tốc của chất điểm thứ hai so với chất điểm thứ nhất

- A. bằng  $10\text{m/s}$  và cùng hướng với chuyển động.
- B. bằng  $2\text{m/s}$  và ngược hướng với chuyển động.
- C. bằng  $2\text{m/s}$  và cùng hướng với chuyển động.
- D. bằng  $10\text{m/s}$  và ngược hướng với chuyển động.

**ĐỀ SỐ 3**

1.41. Chọn câu trả lời **đúng**. Một vật chuyển động trên trục tọa độ Ox. Ở thời điểm  $t_1$  vật có tọa độ  $x_1 = 10\text{m}$  và ở thời điểm  $t_2$  có tọa độ  $x_2 = 5\text{m}$ .

- A. Độ dời của vật là  $-5\text{m}$
- B. Vật chuyển động theo chiều dương quỹ đạo.

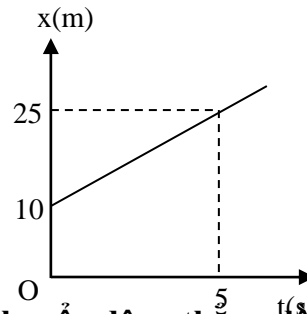
C. Quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian trên là  $5\text{m}$  D. Cả A, B, C đều đúng.

1.42. Khi chất điểm chuyển động theo một chiều và ta chọn chiều đó làm chiều dương thì :

- A. Độ dời bằng quãng đường đi được
- B. Vận tốc trung bình bằng tốc độ trung bình
- C. Vận tốc luôn luôn dương
- D. Cả 3 ý trên đều đúng

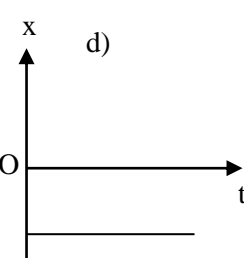
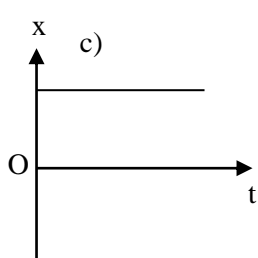
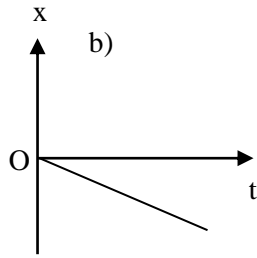
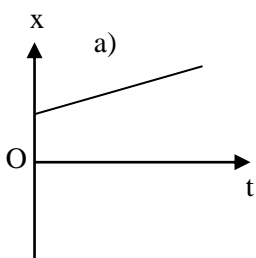
1.43. Trên hình là đồ thị tọa độ - thời gian của một vật chuyển động thẳng. Cho biết kết luận nào sau đây là sai?

- A. Tọa độ ban đầu của vật là  $x_0 = 10\text{m}$ .
- B. Trong 5 giây đầu tiên vật đi được  $25\text{m}$ .
- C. Vật đi theo chiều dương của trục tọa độ.
- D. Góc thời gian được chọn là thời điểm vật ở cách gốc tọa độ  $10\text{m}$ .

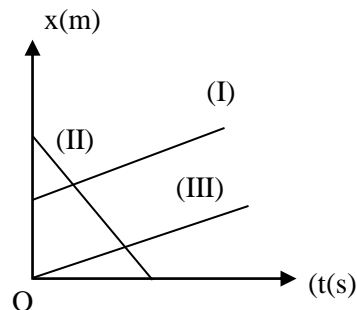


1.44. Trong các đồ thị sau đây, đồ thị nào có dạng của vật chuyển động thẳng đều?

- A. Đồ thị a
- B. Đồ thị b và d
- C. Đồ thị a và c
- D. Các đồ thị a, b và c đều đúng



Trên hình sau là đồ thị tọa độ - thời gian của 3 vật chuyển động trên một đường thẳng, đồ thị (I) và (III) là các đường thẳng song song. Sử dụng dữ kiện trên để trả lời các câu hỏi 10, 11, 12, 13 và 14



1.45. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Hai vật (I) và (II) chuyển động cùng hướng.
- C. Vận tốc của vật (I) lớn hơn vận tốc vật (II).

- B. Hai vật (I) và (II) chuyển động ngược
- D. Hai vật (I) và (II) không gặp nhau.

**1.46. Khẳng định nào sau đây là sai?**

- A. Vận tốc của các vật (I) và (III) không bằng nhau.      B. Hai vật (II) và (III) gặp nhau.  
 C. Toạ độ ban đầu của các vật (II) và (III) đều dương.      D. Toạ độ ban đầu của vật (I) bằng không.

**1.47. Kết luận nào sau đây là không phù hợp với đồ thị đã cho của các chuyển động?**

- A. Các vật chuyển động thẳng đều.  
 B. Vật (II) chuyển động ngược chiều so với các vật (I) và (III).  
 C. Phương trình chuyển động của các vật (I) và (III) giống hệt nhau.  
 D. Trong phương trình chuyển động, vận tốc của vật (II) có giá trị âm.

**1.48. Kết quả nào sau đây là đúng khi so sánh vận tốc  $v_1, v_2, v_3$  của các vật (I), (II) và (III)?**

- A.  $v_1 = v_3 < v_2$       B.  $v_1 > v_2 = v_3$ .      C.  $v_1 = v_2 = v_3$ .      D.  $v_1 \neq v_2 \neq v_3$ .

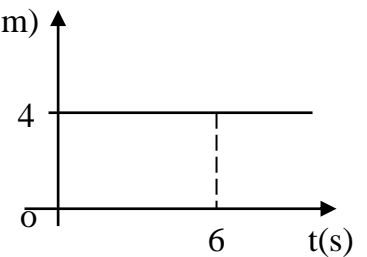
**1.49. Kết luận nào sau đây là sai khi so sánh quãng đường  $s_1, s_2$  và  $s_3$  của các vật (I), (II) và (III) đi được trong cùng một khoảng thời gian?**

- A.  $s_1 > s_2 = s_3$ .      B.  $s_1 = s_3 < s_2$ .      C.  $s_1 = s_2 = s_3$ .      D.  $s_1 \neq s_2 \neq s_3$

**1.50. Vật chuyển động thẳng đều có đồ thị vận tốc – thời gian như hình vẽ.**

Sau 6s độ dời và vận tốc của vật là :

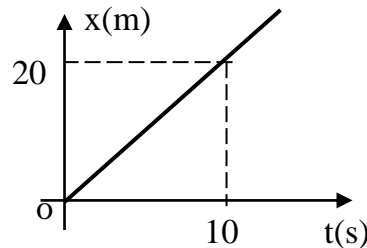
- A.  $v = 4\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 6\text{m}$       B.  $v = 6\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 4\text{m}$   
 C.  $v = 4\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 24\text{m}$       D.  $v = 6\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 24\text{m}$



**1.51. Vật chuyển động thẳng đều có đồ thị toạ độ – thời gian như hình vẽ.**

Sau 10s độ dời và vận tốc của vật là:

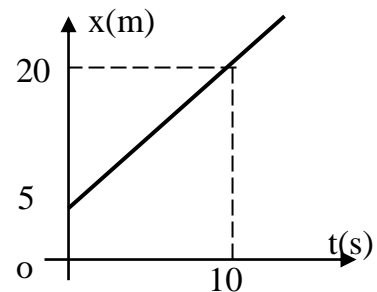
- A.  $v = 20\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 20\text{m}$       B.  $v = 10\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 10\text{m}$   
 C.  $v = 20\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 2\text{m}$       D.  $v = 2\text{m/s}$  ;  $\Delta x = 20\text{m}$



**1.52. Vật chuyển động thẳng đều có đồ thị toạ độ – thời gian như hình vẽ.**

Kết luận nào rút ra từ đồ thị là **sai**

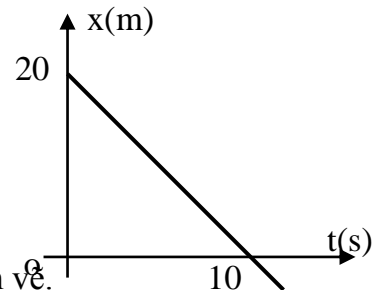
- A. Quãng đường đi được sau 10s là 15m  
 B. Độ dời của vật sau 10s là 20m  
 C. Vận tốc của vật là 1,5m/s  
 D. Vật chuyển động bắt đầu từ toạ độ 5m



**1.53. Vật chuyển động thẳng đều có đồ thị toạ độ – thời gian như hình vẽ.**

Kết luận nào rút ra từ đồ thị là **sai**

- A. Quãng đường đi được sau 10s là 20m  
 B. Độ dời của vật sau 10s là -20m  
 C. Giá trị đại số vận tốc của vật là 2m/s  
 D. Vật chuyển động bắt đầu từ toạ độ 20m



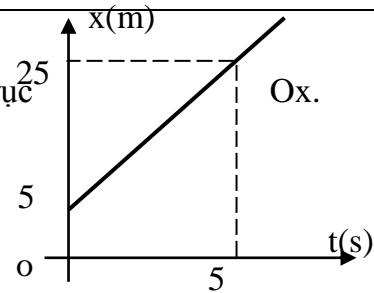
**1.54. Vật chuyển động thẳng đều có đồ thị toạ độ – thời gian như hình vẽ.**

Phương trình chuyển động của vật là :

A.  $x = 5 + 5t$     B.  $x = 4t$     C.  $x = 5 - 5t$     D.  $x = 5 + 4t$

1.55. Một vật chuyển động thẳng đều theo chiều dương của trục Ox. Tại các thời điểm  $t_1=2s$  và  $t_2=6s$ , tọa độ tương ứng của vật là  $x_1=20m$  và  $x_2=4m$ . Kết luận nào sau đây là **không** chính xác?

- A. Vận tốc của vật có độ lớn là 4m/s.  
 B. Vật chuyển động ngược chiều dương của trục Ox.  
 C. Thời điểm vật đến gốc tọa độ O là  $t=5s$ .  
 D. Phương trình tọa độ của vật là  $x = 28-4t$  (m).



1.56. Vật chuyển động thẳng có phương trình chuyển động:  $x = -15t - 7$  (x:mét;t:min). Kết luận nào sau đây rút ra từ phương trình là **đúng**:

- A. Lúc bắt đầu khảo sát chuyển động vật cách gốc tọa độ 7m    B. Độ dời của vật sau 1min là 15m  
 C. Quãng đường vật đi được sau 1min là 22m    D. Vận tốc chuyển động của vật là -15m/min

1.57. Một vật chuyển động thẳng không đổi chiều trên 1 quãng đường dài 40m. Nửa quãng đường đầu vật đi hết thời gian  $t_1 = 5s$ , nửa quãng đường sau vật đi hết thời gian  $t_2 = 2s$ . Tốc độ trung bình trên cả quãng đường là:

- A. 7m/s ;    B. 5,71m/s ;    C. 2,85m/s ;    D. 0,7m/s ;

1.58. Một vật chuyển động thẳng không đổi chiều. Trên quãng đường AB, vật đi nửa quãng đường đầu với vận tốc  $v_1 = 20m/s$ , nửa quãng đường sau vật đi với vận tốc  $v_2 = 5m/s$ . Vận tốc trung bình trên cả quãng đường là:

- A. 12,5m/s    B. 8m/s    C. 4m/s    D. 0,2m/s

1.59. Một xe chuyển động thẳng không đổi chiều; 2 giờ đầu xe chạy với vận tốc trung bình 60km/h, 3 giờ sau xe chạy với vận tốc trung bình 40km/h. Vận tốc trung bình của xe trong suốt thời gian chạy là:

- A. 50km/h    B. 48km/h    C. 44km/h    D. 34km/h

1.60. Một xe chuyển động thẳng không đổi chiều có vận tốc trung bình là 20km/h trên  $\frac{1}{4}$  đoạn đường đầu và 40km/h trên  $\frac{3}{4}$  đoạn đường còn lại. Vận tốc trung bình của xe trên cả đoạn đường là:

- A. 30km/h    B. 32km/h    C. 128km/h    D. 40km/h

**1.61.** Một xe chuyển động thẳng không đổi chiều, trong nửa thời gian đầu xe chạy với vận tốc 12km/h . trong nửa thời gian sau xe chạy với vận tốc 18km/h . Vận tốc trung bình trong suốt thời gian đi là:

A. 15km/h      B. 14,5km/h      C. 7,25km/h      D. 26km/h

**1.62.** Một người đi xe đạp trên  $\frac{2}{3}$  đoạn đường đầu với vận tốc trung bình 10km/h và  $\frac{1}{3}$  đoạn đường sau với vận tốc trung bình 20km/h. Vận tốc trung bình của người đi xe đạp trên cả quãng đường là

A. 12km/h      B. 15km/h      C. 17km/h      D. 13,3km/h

**1.63.** Một ô tô chuyển động trên một đoạn đường thẳng và có vận tốc luôn luôn bằng 80 km/h. Bến xe nằm ở đầu đoạn thẳng và xe ô tô xuất phát từ một điểm cách bến xe 3 km. Chọn bến xe làm vật mốc, chọn thời điểm ô tô xuất phát làm mốc thời gian và chọn chiều chuyển động của ô tô làm chiều dương. Phương trình chuyển động của xe ô tô trên đoạn đường thẳng này là

A.  $x = 3 + 80t$ .      B.  $x = 80 - 3t$ .      C.  $x = 3 - 80t$ .      D.  $x = 80t$ .

**1.64.** Cùng một lúc tại hai điểm A và B cách nhau 10 km có hai ô tô chạy cùng chiều nhau trên đường thẳng từ A đến B. Vận tốc của ô tô chạy từ A là 54 km/h và của ô tô chạy từ B là 48 km/h. Chọn A làm mốc, chọn thời điểm xuất phát của hai xe ô tô làm mốc thời gian và chọn chiều chuyển động của hai xe làm chiều dương.